

Số: 340 /PJT-CK-TGD  
V/v giải trình chênh lệch báo cáo 6 tháng  
năm 2024 trước & sau soát xét.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024.

**Kính gửi:** Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex giải trình nguyên nhân chênh lệch giữa báo cáo tài chính 6 tháng năm 2024 trước và sau soát xét như sau:

**1. Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ**

Stt	Chi tiêu	Số liệu		
		B/c 6 tháng năm 2024 trước soát xét	B/c 6 tháng năm 2024 sau soát xét	Chênh lệch tăng/(giảm)
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
<b>BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1	Gía vốn hàng bán	311.176.906.650	296.743.820.022	(14.433.086.628)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.578.275.684	43.011.362.312	14.433.086.628
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.032.011.052	15.358.116.224	326.105.172
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.777.160.439	26.884.141.895	14.106.981.456
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.332.166.793	33.439.148.249	14.106.981.456
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.814.792.271	6.636.188.562	2.821.396.291
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.517.374.522	26.802.959.687	11.285.585.165
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
C.	Nợ phải trả	151.061.997.697	121.343.838.932	(29.718.158.765)
I.	Nợ ngắn hạn	103.525.054.697	73.806.895.932	(29.718.158.765)

	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.234.697.535	5.056.093.826	2.821.396.291
	Phải trả người lao động	10.499.428.773	11.750.401.126	1.250.972.353
	Phải trả ngắn hạn khác	21.792.501.437	3.359.927.837	(18.432.573.600)
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	15.357.953.809	0	(15.357.953.809)
<b>D.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>292.312.129.609</b>	<b>322.030.288.374</b>	<b>29.718.158.765</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>292.312.129.609</b>	<b>322.030.288.374</b>	<b>29.718.158.765</b>
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.725.193.382	44.443.352.147	29.718.158.765
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	733.659.750	19.166.233.350	18.432.573.600
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	13.991.533.632	25.277.118.797	11.285.585.165

#### **a/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

- Giá vốn hàng bán giảm 14.433.086.628 đồng:

*Trong đó: + Giảm chi phí trích trước dự phòng sửa chữa: 15.357.953.809 đồng*

*+ Tăng chi phí tiền lương: 924.867.181 đồng*

+ Do điều chỉnh giảm chi phí trích trước dự phòng sửa chữa lớn trong năm 2024 và các năm tiếp theo. Từ năm 2023 trở về trước Công ty PJTACO thực hiện chi phí sửa chữa lớn các tàu theo phương pháp thực thanh thực chi trong năm. Cuối năm 2023 Công ty Kiểm toán KPMG thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty Vận Tải Thủy Petrolimex (Tổng Công ty nắm giữ 51,22% vốn điều lệ Công ty PJTACO), kiến nghị về việc dự phòng chi phí sửa chữa lớn đội tàu: Công ty PJTACO không thực hiện phương pháp trích trước là rủi ro sai sót trọng yếu và kiến nghị thực hiện phương pháp trích trước để đồng bộ chính sách kế toán trong Tổng Công ty và các công ty thành viên. Chính vì vậy, khi xây dựng kế hoạch năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty PJTACO thay đổi chính sách kế toán theo yêu cầu của kiểm toán KPMG là trích trước dự phòng sửa chữa lớn đội tàu của năm 2024 và các năm tiếp theo quy định của Đăng kiểm; Theo đó, dự phòng phải trả 6 tháng năm 2024 tăng 15.357.953.809 đồng và giá vốn hàng bán trong kỳ tăng tương ứng. Nhưng đến kỳ kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2024, chính kiểm toán KPMG lại không đồng ý phương pháp trích trước mà đề nghị quay về phương pháp thực thanh thực chi trong năm 2024, do đó có sự biến động giảm chi phí dự phòng sửa chữa lớn đột biến là: 15.357.953.809 đồng.

+ Chi phí tiền lương khối trực tiếp tăng 924.867.181 đồng do trích thêm quỹ tiền lương theo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 326.105.172 đồng do trích thêm quỹ tiền lương quản lý và khối gián tiếp theo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024.

- Từ các yếu tố trên dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế ở bảng kết quả hoạt động kinh doanh tăng lên tương ứng.

## **b/ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

C. Nợ phải trả giảm 29.718.158.765 đồng

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước tăng 2.821.396.291 đồng do ảnh hưởng từ thuế TNDN trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phải trả người lao động tăng 1.250.972.353 đồng do trích thêm quỹ lương theo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024.

- Phải trả ngắn hạn khác giảm 18.432.573.600 đồng là số tiền cổ tức năm 2023 phải trả bằng cổ phiếu do Công ty chốt danh sách phát hành cổ phiếu trả cổ tức sau ngày 30/06/2024 nên chưa phân phối để lại tài khoản lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

- Dự phòng phải trả ngắn hạn (dự phòng trích trước sửa chữa lớn) giảm 15.357.953.809 đồng như đã giải thích ở phần kết quả hoạt động kinh doanh nêu trên.

### **2. Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất**

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu		
		B/c 6 tháng năm 2024 Trước kiểm toán	B/c 6 tháng năm 2024 Đã soát xét	Chênh lệch tăng/(giảm)
1	2	3	4	(5)=(4)-(3)
<b>BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1	Gía vốn hàng bán	322.039.758.919	307.606.672.291	(14.433.086.628)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.334.055.233	45.767.141.861	14.433.086.628
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.646.523.979	16.972.629.151	326.105.172
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.452.609.447	26.559.590.903	14.106.981.456
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.987.876.668	33.094.858.124	14.106.981.456
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.067.877.509	6.889.273.800	2.821.396.291
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.912.474.444	26.198.059.609	11.285.585.165
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				

28  
TY  
AN  
ANG  
TH  
JLIM  
TP.

C.	Nợ phải trả	154.054.778.519	124.336.619.754	(29.718.158.765)
I.	Nợ ngắn hạn	106.217.835.519	76.499.676.754	(29.718.158.765)
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.380.396.564	5.201.792.855	2.821.396.291
	Phải trả người lao động	11.660.678.278	12.911.650.631	1.250.972.353
	Phải trả ngắn hạn khác	22.011.691.384	3.579.117.784	(18.432.573.600)
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	15.357.953.809	0	(15.357.953.809)
D.	Vốn chủ sở hữu	293.625.724.526	323.343.883.291	29.718.158.765
I.	Vốn chủ sở hữu	293.625.724.526	323.343.883.291	29.718.158.765
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.320.063.194	45.038.221.959	29.718.158.765
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	407.588.750	18.840.162.350	18.432.573.600
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	14.912.474.444	26.198.059.609	11.285.585.165

Do báo cáo soát xét công ty mẹ thay đổi làm cho các chỉ tiêu trên báo cáo soát xét hợp nhất thay đổi.

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex giải trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Nhà Nước và nhà đầu tư được rõ.

*Trân trọng báo cáo !*

**CÔNG TY CPVT XDĐT PETROLIMEX  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**NGUYỄN THỊ HIỀN**

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu KT